

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HẬU CẦN NGHỀ CÁ: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Đào Xuân Thắng¹, Nguyễn Phương Lê^{2*}

¹*NCS Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email : nguyenvphuongle@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 07.12.2015

Ngày chấp nhận: 18.03.2016

TÓM TẮT

Khai thác hải sản là nghề có đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh, chủ quyền trên các vùng biển nước ta. Tuy nhiên, nguồn lợi và năng suất khai thác, đặc biệt là nguồn lợi ven bờ đang có xu hướng giảm trong khi đánh bắt xa bờ chưa phát huy được thế mạnh do thiếu dịch vụ hậu cần nghề cá. Mặc dù chính phủ và các địa phương đã đầu tư xây dựng các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá ở các vùng khai thác trọng điểm và các tỉnh, song dịch vụ hậu cần nghề cá trên các vùng biển nước ta vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển. Chẳng hạn: hệ thống cảng cá/bến cá, các cơ sở sửa chữa/đóng mới tàu cá, cùng với các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác, thu mua, kinh doanh nguyên liệu, thông tin ngư trường vừa thiếu, yếu nên chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành. Dựa trên nguồn tài liệu thứ cấp cần thiết, bài viết tập trung luận giải cơ sở lý luận về phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và phân tích những kinh nghiệm phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá ở trong và ngoài, trên cơ sở đó rút ra một số bài học cho phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá ở Việt Nam.

Từ khóa: Dịch vụ hậu cần, lý luận, nghề cá, phát triển, thực tiễn.

Development of Logistics for Fishery Industry: Theoretical and Practical Issues

ABSTRACT

Fishery industry significantly contributes to economic development and national security in Vietnam. However, fishery resources and productivity, particularly inshore fishery resources have reduced whereas oo-shore fishery industry has not been developed yet. Central and local government have invested in development of logistics for fishery industry in core regions and provinces, but fishery logistics are still lacking in terms of both quantity and quality, such as port, shipbuilding, fish catching and storage, material supply, and so on. Based on secondary data and information, this paper focuses on analysis of theoretical and practical issues of logistics development for fishery industry. Major lessons for development of logistics for fishery development in Vietnam are drawn.

Keywords: Development, fishery industry, logistics, practice, theory.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu hướng vận động, phát triển của nền kinh tế thế giới hiện nay, biển đang là một trong những mục tiêu của nhiều quốc gia hướng tới. Vấn đề chủ quyền biển đảo đang nổi lên như một tôn chỉ lớn cho các quốc gia có biển. Việt Nam có bờ biển dài hơn 3.260km. Diện tích biển thuộc chủ quyền, quyền tài phán quốc gia bao gồm: vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa gấp hơn 3

lần lãnh thổ trên đất liền với diện tích khoảng 1 triệu km²; có trên 3.000 hòn đảo ven bờ, 12 hai quần đảo, trong đó Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo có giá trị... Khai thác hải sản là nghề đã tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hàng ngàn lao động, góp phần phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh, chủ quyền trên các vùng biển. Tuy nhiên, nguồn lợi và năng suất khai thác có xu hướng giảm mạnh từ 0,39 tấn/cv/năm (năm 2005) xuống 0,24 tấn/cv/năm (năm 2012), đặc biệt là nguồn lợi ven bờ (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2012).

Nhằm phát triển nghề khai thác hải sản, trong những năm gần đây Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cho ngư dân phát triển kinh tế biển: Quyết định số 393/QĐ-TTg năm 1997 về *Quy chế quản lý và sử dụng vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch Nhà nước cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và tàu dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ*, Quyết định số 63/QĐ-TTg năm 2010 về *Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản*, Quyết định số 1690/QĐ-TTg năm 2010 về *Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020*, Quyết định số 375/QĐ-TTg năm 2013 về *Tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản* và Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về *Một số chính sách phát triển thủy sản*. Theo đó, Nhà nước và các địa phương đã đầu tư xây dựng các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ (Hải Phòng, Quảng Ninh), các tỉnh duyên hải miền Trung (Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên), và ở các tỉnh phía Nam (Cần Thơ, Tiền Giang). Các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá ở các vùng và địa phương có nhiệm vụ cung cấp nhiên liệu, các mặt hàng nhu yếu phẩm và thu mua hải sản cho ngư dân; đồng thời thực hiện công tác cứu hộ khi ngư dân gặp nạn trên biển. Nhiều trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, ngoài việc thực hiện sửa chữa tàu thuyền và cung cấp nước ngọt, các trung tâm còn kết hợp với lực lượng quân y trên các đảo tổ chức khám chữa bệnh; tạo điều kiện cho tàu tránh, trú bão, thực hiện cứu hộ hàng hải.

Mặc dù vậy, dịch vụ hậu cần nghề cá trên các vùng biển nước ta vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển, nhiều mặt tồn tại cần phải khắc phục, như hệ thống cảng cá/bến cá và các cơ sở sửa chữa/đóng mới tàu cá, cùng với các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác, thu mua, kinh doanh nguyên liệu, thông tin ngư trường chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành. Ngoài ra, hệ thống thông tin giám sát tàu cá còn thiếu và lạc hậu, công tác bảo đảm an ninh cho người và tàu cá chưa được đầu tư thỏa đáng, công tác cứu nạn trên biển còn gặp nhiều khó khăn.

Mục tiêu của bài viết này là tập trung luận giải cơ sở lý luận về phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và tổng hợp, phân tích những kinh nghiệm phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá ở các nước trong khu vực, cũng như ở trong nước, trên cơ sở đó rút ra một số bài học cho phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá ở nước ta.

2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HẬU CẦN NGHỀ CÁ

2.1. Khái niệm về dịch vụ hậu cần nghề cá

Dịch vụ hậu cần (logistics) là một khái niệm khá mới ở Việt Nam. Dịch vụ hậu cần được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Theo Từ điển bách khoa toàn thư (2014), dịch vụ hậu cần được hiểu là nghệ thuật và khoa học của quản lý và điều chỉnh luồng di chuyển của hàng hóa, năng lượng, thông tin và những nguồn lực khác như sản phẩm, dịch vụ và con người, từ nguồn lực của sản xuất cho đến thị trường. Nó thể hiện sự hợp nhất của thông tin liên lạc, vận tải, tồn kho, lưu kho, giao nhận nguyên vật liệu, bao bì đóng gói.

Đoàn Thị Hồng Vân (2003) cho rằng: Dịch vụ hậu cần là quá trình tối ưu hoá các hoạt động vận chuyển và dự trữ hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ cuối cùng thông qua hàng loạt các hoạt động kinh tế. Khái niệm này rất trùng hợp với Ma Shuo (1999): Dịch vụ hậu cần là quá trình luân chuyển hàng hoá từ điểm xuất phát đầu tiên là nhà cung cấp, qua người bán buôn, bán lẻ, đến nơi tiêu thụ cuối cùng thông qua hàng loạt các hoạt động kinh tế.

Nguyễn Thâm (2010) định nghĩa rằng: “Dịch vụ hậu cần là nghệ thuật tổ chức, điều hành một tập hợp các hoạt động dịch vụ liên quan đến quá trình luân chuyển sản phẩm, hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ cuối cùng nhằm giảm tổng chi phí và đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng. Nghệ thuật tổ chức, điều hành đó luôn luôn thay đổi để thích ứng với sự vận động và phát triển không ngừng của hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường”.

Qua đó có thể thấy dịch vụ hậu cần không phải là một hoạt động đơn lẻ mà là một chuỗi các hoạt động liên tục, có liên quan mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, được thực hiện một cách khoa học và có hệ thống qua các bước nghiên cứu, hoạch định, tổ chức, quản lý, thực hiện, kiểm tra, kiểm soát và hoàn thiện. Đây là quá trình liên quan tới nhiều hoạt động khác nhau trong cùng một tổ chức, từ xây dựng chiến lược đến các hoạt động chi tiết, cụ thể để thực hiện chiến lược.

Như vậy, có thể hiểu dịch vụ hậu cần nghề cá là một loạt các hoạt động dịch vụ có liên quan đến quá trình khai thác, vận chuyển sản phẩm hải sản từ nơi khai thác đến nơi tiêu thụ cuối cùng nhằm giảm chi phí, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

2.2. Vai trò của phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá

2.2.1. Thúc đẩy phát triển đánh bắt xa bờ và nâng cao sản lượng thủy sản

Khai thác nguồn lợi thủy sản ven bờ một cách thiếu kiểm soát đang khiến nguồn lợi này dần cạn kiệt, một số loài đã trở nên khan hiếm. Bên cạnh đó, sức ép tăng dân số và việc sử dụng công cụ đánh bắt kiểu hủy diệt của ngư dân cũng là nguyên nhân gây ra sự khan hiếm của nguồn lợi thủy sản ven bờ. Việc phát triển tốt hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá như: cảng cá, chợ cá, tàu thuyền, nơi tránh trú bão, thông tin ngư trường, công nghệ đóng và sửa chữa tàu cá... sẽ giúp đảm bảo các điều kiện để nâng cao năng lực, trình độ đánh bắt cá xa bờ của ngư dân, từ đó góp phần nâng cao sản lượng thủy sản của vùng và quốc gia.

Có thể nói lực lượng, trình độ và năng lực đánh bắt xa bờ của Việt Nam kém hơn các nước trong khu vực. Trong những năm qua, đánh bắt xa bờ chỉ đóng góp khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản hàng năm. Do vậy, việc mở rộng, phát triển đánh bắt cá xa bờ là một xu hướng tất yếu hiện nay đối với Việt Nam nói riêng và các nước trong khu vực nói chung (Nguyễn Thị Hồng Minh, 2011).

2.2.2. Giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm

Trong khai thác thủy sản, nhất là khai thác xa bờ, thủy sản sau thu hoạch thường được bảo quản bằng phương pháp ướp đá theo cách truyền thống. Điểm hạn chế của phương pháp này là thời gian bảo quản không lâu, tỷ lệ hư hỏng cao, khó đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng để phục vụ xuất khẩu, nhất là các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, EU. Do vậy, hiệu quả kinh tế trong khai thác thủy sản còn chưa cao. Các thống kê gần đây cho thấy, tổn thất sau thu hoạch được đánh giá có thể lên tới 20-30% tổng sản lượng khai thác (Trang Sĩ Trung, Nguyễn Văn Minh, Huỳnh Long Quân, 2011).

Có thể thấy, việc rút ngắn thời gian bảo quản và vận chuyển hay áp dụng công nghệ mới trong bảo quản sản phẩm khai thác có ý nghĩa rất lớn trong việc giảm tổn thất sau thu hoạch và tăng giá trị của sản phẩm khai thác. Theo các nghiên cứu, trong khoảng nhiệt độ từ 0° - 10°C chỉ cần một sự biến động rất nhỏ về nhiệt độ cũng có sự ảnh hưởng đến sự phát triển của vi khuẩn làm giảm chất lượng sản phẩm khai thác. Nếu thời gian bảo quản sản phẩm duy trì ở nhiệt độ 0° C thì thời gian bảo quản sản phẩm có thể lưu giữ từ 11 đến 12 ngày, ở nhiệt độ 10° C thì thời gian bảo quản chỉ còn 20 đến 30 giờ.

Rõ ràng là yếu tố nhiệt độ có ảnh hưởng lớn đến thời gian bảo quản và chất lượng của sản phẩm. Ngoài việc chậm trễ trước khi ướp lạnh sản phẩm, việc các sản phẩm để ngoài nắng gió càng làm rút ngắn thời gian bảo quản. Trước áp lực tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản, xu hướng tiêu thụ sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường được đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, thực tế bảo quản các sản phẩm khai thác của các tàu đánh cá Việt Nam cũng như việc bảo quản các sản phẩm khai thác sau khi bốc dỡ tại cảng cá còn rất nhiều yếu kém. Trên thực tế, giá trị thất thoát sau thu hoạch còn rất lớn, khoảng 30% giá trị hàng năm, tương đương với 250 triệu USD (khoảng 5 nghìn tỉ đồng) chỉ trong năm 2008, trong đó có các sản phẩm có khai

thác có giá trị xuất khẩu cao như cá thu, cá dưa, cá chim, cá ngừ đại dương, mực và bạch tuộc (Nguyễn Đức Nga, Nguyễn Như Tiếp, 2004).

Bên cạnh đó, tình trạng thiếu nguyên liệu trầm trọng khiến một số doanh nghiệp xoay sang nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, làm tăng chi phí sản xuất, giảm hiệu quả kinh tế, đây chính là một vòng luẩn quẩn, gây thiệt hại không nhỏ cho ngành sản xuất thủy sản của Việt Nam. Như vậy, nếu như sản phẩm thủy sản sau thu hoạch được bảo quản tốt hơn, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng thì sẽ góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch.

2.2.3. Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động

Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, chính là việc phát triển hệ thống hạ tầng hậu cần phục vụ khai thác hải sản bao gồm: cảng cá, bến cá, chợ cá; cơ sở đóng và sửa chữa tàu cá; công nghiệp phụ trợ phục vụ khai thác hải sản; hệ thống thu mua và kinh doanh hải sản; các cơ sở chế biến hải sản; Các hoạt động hỗ trợ: thông tin ngư trường, nguồn lợi; công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển. Trên cơ sở đó sẽ tạo ra nhiều việc làm mới như dịch vụ thu mua trên biển, tiêu thụ cá tại các chợ, cung cấp đá ướp, xăng dầu, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền... góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo phát triển kinh tế- xã hội.

Sự phát triển của dịch vụ hậu cần nghề cá sẽ kéo theo rất nhiều hoạt động khác liên quan, trong đó có các hoạt động kinh doanh, buôn bán, vận chuyển, chế biến các sản phẩm thủy sản, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền. Rõ ràng, sự phát triển của dịch vụ hậu cần nghề cá có vai trò quan trọng không những trong việc phục vụ khai thác thủy sản, tạo điều kiện việc làm cho hàng trăm nghìn lao động, đặc biệt là lao động nghèo khu vực ven biển là những vùng mà lực lượng lao động ở đây vốn đã nghèo về đời sống vật chất, học vấn và không có nghề nghiệp gì khác ngoài nghề khai thác hải sản.

Theo số liệu dự báo của Quy hoạch phát triển thủy sản Việt Nam đến 2020, nhu cầu lao động trong lĩnh vực khai thác xa bờ năm 2015 là

220 nghìn lao động, đến năm 2020 là 230 nghìn lao động (tăng 5%). Nhu cầu lao động trong lĩnh vực chế biến hải sản, năm 2015 là 594 nghìn lao động đến năm 2020 là 700 nghìn lao động, tăng 17,8% (Quyết định số 1445/QĐ-TTg, 2013).

2.2.4. Bảo vệ an ninh và chủ quyền quốc gia trên biển

Phát triển tốt hệ thống hậu cần nghề cá, sẽ góp phần thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác hải sản vùng biển xa bờ. Việc đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cảng cá, bến cá, các khu neo đậu tránh, trú bão, các khu hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển và trên các hải đảo, hoàn thiện hệ thống thông tin tàu cá, chủ động cảnh báo thiên tai sẽ giúp ngư dân kịp thời ứng phó với các tai nạn và rủi ro trên biển. Ngoài ra, tổ chức tốt hoạt động của lực lượng kiểm ngư, phối hợp, kịp thời với các lực lượng chức năng bảo vệ biển, đảo sẽ góp phần bảo vệ nguồn lợi gắn với bảo vệ ngư dân và quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo. Ngư dân có các điều kiện bảo đảm cho vươn khơi xa sẽ giúp họ không chỉ tiếp cận được với ngư trường lớn, cải thiện sản lượng đánh qua, mà còn thúc đẩy ngư dân tham gia bám biển, đánh bắt xa bờ, bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia.

3. CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HẬU CẦN NGHỀ CÁ

3.1. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá

Kinh nghiệm của Đức

Cơ sở hậu cần nghề cá của Đức hoạt động theo hai cơ quan, tất cả các phương tiện, cơ sở vật chất của cảng thuộc về các Chính phủ. Tuy nhiên, hoạt động kinh tế được điều hành bởi các công ty tư nhân. Vai trò của công ty thương mại tại bao gồm: (i) Quản lý, điều hành và bảo trì của tất cả các cơ sở vật chất được giao; (ii) Xếp dỡ, vận tải, bán đấu giá và các dịch vụ khác liên quan đến tiếp thị cá và các sản phẩm chế biến; và (iii) Hỗ trợ thương mại thủy sản, cung cấp tin tức khác liên quan đến hoạt động kinh tế, đang thuê, cho thuê tại cảng cá (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2009).

Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản có tổng diện tích đất tự nhiên là 378.000km², với tổng chiều dài bờ biển là 35.000km và 6.847 hòn đảo lớn, nhỏ. Thủy sản là ngành kinh tế rất được chú trọng ở Nhật Bản, đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II; thể hiện ở việc mở rộng vùng biển đánh bắt theo pháp luật quốc tế, đầu tư khoa học - kỹ thuật và tài chính, phát triển ở các vùng biển quốc tế. Nhiệm vụ quản lý cảng cá, khu neo đậu, chế biến, đóng mới và sửa chữa tàu, thuyền được gắn chặt với nhiệm vụ quản lý tàu thuyền, chống đánh bắt bất hợp pháp, bảo đảm an toàn cho tàu thuyền khai thác hải sản trước khi rời bến cũng như thúc đẩy kinh doanh buôn bán hàng thủy sản được Nhật Bản rất quan tâm. Ở Nhật Bản, việc quản lý cảng cá được gắn với nhiệm vụ xúc tiến thương mại, đầu tư, bán đấu giá các sản phẩm thủy sản nhằm hạn chế đến mức tối đa thiệt hại của người bán cá, đồng thời tăng giá trị của các sản phẩm hải sản khai thác. Cảng cá, bến cá, khu neo đậu không chỉ là cơ sở phục vụ cho các hoạt động sản xuất thủy sản mà còn là nơi phân phối, chế biến hải sản, ngoài ra còn đóng vai trò quan trọng như một cơ sở cho xã hội làng chài. Năm 2005, Nhật Bản có 2.620 cảng cá, 232.534 tàu đánh bắt xa bờ, 2.273 hợp tác xã thủy sản, 580 nhà máy chế biến (FAO, 2012).

Kinh nghiệm của Philippines

Philippines, với dân số hơn 93 triệu người là một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về sản lượng khai thác hải sản với tổng sản lượng 3,1 triệu tấn hải sản (Department of Agriculture, Bureau of Fisheries and Aquatic Resources, 2010). Ngành công nghiệp thủy sản và nuôi trồng thủy sản đã sử dụng khoảng 1,5 triệu lao động. Các ngành công nghiệp đánh bắt cá đã đóng góp 1,8% vào tổng sản phẩm quốc nội của đất nước (GDP) (theo giá hiện hành). Năm 2013, xuất khẩu thủy sản đạt giá trị 1,2 tỷ USD (FAO, 2012).

Là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của các cơn bão, Philippines chủ trương phát triển các trung tâm nghề cá (khu phức hợp) đặt dưới sự kiểm soát của Cơ quan Phát triển Thủy sản Philippine (PFDA). Các trung tâm này có nhiều chức năng, vừa là nơi neo đậu, tránh trú bão, vừa

là nơi sửa chữa, đóng mới tàu thuyền và cũng là chợ tiêu thụ sản phẩm. Các thủ tục tại cảng được đơn giản hóa và được PFDA hỗ trợ về thị trường. Do đó, giảm được thời gian các sản phẩm thủy sản từ cảng đến người tiêu dùng. PFDA đã phát triển các cảng cá thành một tổ hợp công nghiệp phục vụ hậu cần nghề cá, với các mục đích kinh doanh như: cho thuê đối với khu vực tư nhân để đóng hộp cá, chế biến và dịch vụ liên quan khác, tiếp thị thương mại và công nghiệp liên quan đến thủy sản. Các dịch vụ hậu cần nghề cá được cung cấp như: (i) Dịch vụ ngân hàng, viễn thông, điện, nước trong khu vực cảng được hỗ trợ đầy đủ. Công tác bốc dỡ và tiếp thị cá, các sản phẩm thủy sản được tổ chức cả ở thị trường trong nước và nước ngoài; (ii) Chế biến, làm lạnh các sản phẩm, cung cấp đầy đủ các dịch vụ tủ đông lạnh, kho lạnh và các thiết bị cho chế biến thủy tươi sống; (iii) Dịch vụ cho các hoạt động sửa chữa, nhiên liệu, nước, dầu, vận chuyển nước đá và chuyển tải các sản phẩm; (iv) Cung cấp thông tin cơ sở, không gian văn phòng và mặt bằng cho các cơ sở, nhà máy chế biến thủy sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2009).

Kinh nghiệm của Thái Lan

Thái Lan là một trong những nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới, trong ba thập kỷ qua, ngành thủy sản Thái Lan có sự tăng trưởng đáng kể. Tổng sản lượng thủy sản vượt qua 2 triệu tấn vào năm 1977, đến nay tổng sản lượng khoảng 3,9 triệu tấn. Trong những năm qua, Chính phủ Thái Lan đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển ngành thủy sản, trong đó có những nội dung về xây dựng hậu cần nghề cá như: phát triển củng cố hệ thống cảng cá, nghiên cứu phát triển công nghệ bảo quản, chế biến thủy sản, phát triển hệ thống thông tin ngành thủy sản, xây dựng hệ thống thu gom và bán đấu giá cho các cửa hàng bán lẻ, từ đó phân phối tới người tiêu dùng.

Đến nay Thái Lan đã có 12 cảng cá phức hợp, 2.354 chợ cá, 850 nhà máy sản chế biến cá, 57.141 tàu đánh cá, trong đó có 18.089 tàu được đăng ký, còn lại là tàu nhỏ. Hệ thống hậu cần nghề cá của Thái Lan khá hoàn chỉnh, do vậy trong thời gian tới Thái Lan quan tâm đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch (FAO, 2012).

Nhìn chung, các biện pháp phát triển hậu cần dịch vụ nghề cá tại các nước nêu trên thực sự hiệu quả. Vì vậy, đối với nước ta cần phải có những nghiên cứu thực tế, trên cơ sở đúc rút những kinh nghiệm phát triển hậu cần nghề cá của các nước trên thế giới, xây dựng biện pháp thúc đẩy sự phát triển nhanh của các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá trong những năm tới.

3.2. Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá ở Việt Nam

3.2.1. Chủ trương của chính phủ trong phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá

Trong những năm gần đây, chính phủ Việt Nam đã ban hành và thực thi nhiều chính sách nhằm phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, cụ thể như Quyết định 1445/QĐ-TTg ngày 16 tháng 08 năm 2013 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030 và Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 22 tháng 11 năm 2013 phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. Theo đó, chính phủ sẽ tăng cường đầu tư để hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thủy sản đồng bộ, gắn kết với các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần, nhằm thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và tiêu thụ. Sáu trung tâm nghề cá lớn được hình thành, trong đó 5 Trung tâm nghề cá lớn gắn với các ngư trường trọng điểm (Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiên Giang và Cần Thơ). Bên cạnh đó, việc khôi phục, đầu tư nâng cấp phát triển lĩnh vực cơ khí thủy sản, như: đóng, sửa các tàu cá khai thác xa bờ, mạng lưới dịch vụ cơ khí, chế tạo phụ tùng, phụ kiện, cung ứng dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng, bảo hành và thiết bị cơ khí thủy sản tại các trung tâm nghề cá lớn trên các vùng biển trọng điểm và các dịch vụ sửa chữa tàu cá trên các tuyến đảo. Ngoài ra, chính phủ tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở sản xuất nước đá, kho lạnh, chợ thủy sản đầu mối, các cơ sở sản xuất ngư cụ, thiết bị nghề cá tại các trung tâm

nghề cá lớn phục vụ nghề cá xa bờ và đầu tư xây dựng cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh bão cho tàu cá theo hướng ưu tiên đầu tư cảng cá loại I kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng có khả năng thu hút tàu cá của nhiều địa phương. Hình thành hệ thống cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh bão trên các hải đảo nhằm hỗ trợ ngư dân khai thác trên các vùng biển xa. Nguồn vốn để xây dựng các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá dự kiến lên tới hàng nghìn tỷ đồng, trong đó Nhà nước sẽ đầu tư các hạng mục cảng cá, nạo vét luồng lạch, cơ sở hạ tầng thiết yếu..., đồng thời kêu gọi vốn đầu tư của các doanh nghiệp (Trí Tín, 2014).

3.2.2. Kinh nghiệm phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá ở một số địa phương

Nghệ An là địa phương ven biển đã thành công trong mô hình xã hội hóa đầu tư các dịch vụ hậu cần nghề cá ngay tại các cảng cá, được nhiều địa phương có biển đến nghiên cứu, học tập. Mô hình tiêu biểu của *Nghệ An* là cảng cá Cửa Hội. Ở đây đã hình thành những dịch vụ hậu cần nghề cá lớn mạnh, với 11 xưởng sản xuất đá lạnh, 4 xưởng cấp đông bảo quản hải sản, 1 xưởng cơ khí sửa chữa tàu thuyền; 2 doanh nghiệp cung cấp nhiên liệu cho tàu thuyền và các dịch vụ ngư cụ, hàng hóa đi biển khác. Tất cả những dịch vụ hậu cần này đều do các doanh nghiệp, cá nhân tự đầu tư từ chủ trương xã hội hóa phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá của tỉnh *Nghệ An*. Với cách làm này, Nhà nước không phải bỏ vốn đầu tư, trong khi ngư dân, chủ tàu thuyền được hưởng lợi trực tiếp, với chất lượng phục vụ, giá cả cạnh tranh (Kinh tế Việt Nam và Thế giới, 2015).

Dịch vụ hậu cần nghề cá tại cảng cá phát triển, ngoài việc đáp ứng được nhu cầu đi biển cho tàu thuyền còn góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho ngư dân và người dân trong và ngoài tỉnh, tăng thêm nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

Ở *Quảng Ngãi*, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ tại xã Tân Kỳ, đã được quy hoạch. Trung tâm sẽ cung cấp các dịch vụ hậu cần nghề cá khép kín như: nhà máy chế biến

thủy sản, cơ khí phụ tùng, nhà máy nước đá 15.000 cây mỗi ngày, nhà máy đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu thuyền, chế biến thức ăn gia súc, cửa hàng xăng dầu, lương thực, thực phẩm, xưởng sản xuất ngư lưới cụ, khu nhà điều hành, khu nhà ở công nhân... (Trí Tín, 2014).

Ngoài trung tâm cung cấp dịch vụ hậu cần nghề cá, Quảng Ngãi còn khuyến khích thành lập mô hình hợp tác xã dịch vụ hậu cần nghề cá, điển hình như hợp tác xã dịch vụ hậu cần nghề cá xã Bình Chánh. Hợp tác xã này được thành lập với 12 thành viên, đồng thời là chủ tàu, dịch vụ hậu cần nghề cá, vốn của hợp tác xã được huy động từ xã viên, vốn góp 200 triệu đồng/thành viên, tổng giá trị vốn góp khoảng 3,5 tỷ đồng. HTX sẽ cung cấp nhiên liệu, nhu yếu phẩm liên quan phục vụ đánh bắt xa bờ; sản xuất đá lạnh và cấp nước sinh hoạt; lai dắt xà lan, trục vớt tàu cá và vận tải hàng hóa bằng đường biển... (Lưu Hương, 2014).

Bà Rịa - Vũng Tàu là tỉnh có thế mạnh về khai thác thủy sản. Những năm gần đây, khai thác hải sản của tỉnh đã có những chuyển biến mạnh về năng lực đánh bắt, quy mô sản xuất cũng như chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại hóa. Tỉnh đã chú trọng đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống cảng cá, nhằm đáp ứng nhu cầu sau thu hoạch của ngư dân. Ở thời điểm hiện tại tỉnh có 18 cảng cá đang hoạt động, trong đó 7 cảng có cầu cảng kiên cố. Một số cảng cá được đầu tư trang thiết bị hiện đại như cảng cá Lộc An, Phước Tỉnh với đầy đủ dịch vụ như nước đá, xăng dầu, lương thực. Đặc biệt, các cảng đều có khả năng tiếp nhận hàng trăm tàu thuyền cùng một lúc tránh trú bão an toàn trong các trường hợp khẩn cấp.

Để tiết kiệm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm đánh bắt, thời gian gần đây, một số tàu cá đã liên kết với nhau hình thành nên đội tàu hậu cần có công suất lớn cùng theo ngư dân ra khơi xa. Toàn tỉnh đã hình thành được 50 tàu cung cấp dịch vụ nghề cá, các tàu dịch vụ sẽ thay phiên nhau ra vào bờ khoảng 10-12 chuyến/một tháng để vận chuyển nhiên liệu, thức ăn, nước uống, nước đá, ngư lưới cụ cung ứng cho tàu đánh bắt hải sản dài

ngày trên biển, đồng thời thu mua hải sản cung ứng cho các đại lý, chủ vựa ở các bến trên đất liền. Việc phát triển các đội tàu hậu cần không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân bám biển dài ngày, tiết kiệm chi phí sản xuất, mà còn giúp cho ngư dân giảm thiểu tổn thất trong quá trình bảo quản hải sản (Huỳnh Lệ, 2015).

Tóm lại, từ kinh nghiệm của các nước trong khu vực và một số địa phương trong nước cho thấy để phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá cần: (i) Xây dựng, rà soát lại quy hoạch và nâng cấp hệ thống cảng cá/bến cá và các điểm tập kết sản phẩm thủy sản khai thác. Việc quy hoạch này dựa trên điều kiện tự nhiên kết hợp với tập quán của ngư dân địa phương; (ii) Tập trung xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; (iii) Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư xây dựng và quản lý cảng cá/bến cá, kết hợp nguồn vốn từ ngân sách nhà nước với huy động nguồn vốn ODA và nguồn vốn từ khu vực tư nhân; (iv) Thu hút cá nhân và các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho khai thác; (v) Phát triển hình thức hợp tác xã và tổ đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá; (vi) Mở rộng dịch vụ hậu cần nghề cá đảo xa và đánh bắt xa bờ.

4. KẾT LUẬN

Trong những năm qua, ngành thủy sản nước ta đã có những bước phát triển lớn, đem lại nguồn kim ngạch xuất khẩu lớn nhất và ổn định. Xuất khẩu thủy sản Việt Nam đã chiếm lĩnh, đứng vững trên thị trường quốc tế và hiện đang là một trong 10 nước có giá trị xuất khẩu thủy sản hàng đầu và có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thủy sản nhanh nhất trên thế giới. Ngành thủy sản giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân như: Cung cấp thực phẩm; Bảo an ninh lương thực, thực phẩm; Góp phần xóa đói giảm nghèo; Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn; Tạo nghề nghiệp mới; Bảo vệ quyền quốc gia, đảm bảo an ninh quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, nhất là ở vùng biển và hải đảo. Tuy nhiên, ngành thủy sản nước ta, đặc biệt là hoạt động đánh bắt xa bờ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng mà một trong

những lý do quan trọng là dịch vụ hậu cần nghề cá chưa bảo đảm. Dịch vụ hậu cần nghề cá đã được các nước trên thế giới và trong khu vực quan tâm phát triển từ nhiều thập kỷ trước, song ở Việt Nam chủ đề này mới thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học cũng như các nhà chính sách trong thời gian gần đây. Trên cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm của các nước cũng như một số địa phương trong nước cho thấy: để ngành thủy sản, đặc biệt là hoạt động đánh bắt xa bờ phát triển trong bối cảnh hội nhập, dịch vụ hậu cần nghề cá ở nước ta cần được quan tâm đầu tư một cách đồng bộ từ hệ thống cảng cá/bến cá đến các cơ sở đóng và sửa chữa tàu cá, các cơ sở gia công máy móc, thiết bị phục vụ khai thác, tàu cung cấp nguyên – nhiên liệu (xăng dầu, nước đá, ngư cụ) và tàu thu mua thủy sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009). Chương trình hành động về quản lý cảng cá, Dự án Scafi, Cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012). Dự thảo đề án tổ chức khai thác hải sản.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2013). Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”, ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2013.
- Chính phủ (2014). Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về: Một số chính sách phát triển thủy sản, ban hành ngày 07 tháng 07 năm 2014.
- Chính phủ (1997). Quyết định số 393/QĐ-TTg “Quy chế quản lý và sử dụng vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch Nhà nước cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và tàu dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ”, ban hành ngày 09 tháng 06 năm 1997.
- Chính phủ (2010). Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg về “Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản”, ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2010.
- Chính phủ (2010). Quyết định số 1690/2010/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020”, ban hành ngày 16 tháng 09 năm 2010.
- Chính phủ (2013). Quyết định số 375/2013/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt đề án tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản”, ban hành ngày 01 tháng 03 năm 2013.
- Chính phủ (2013). Quyết định số 1445/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030”, ban hành ngày 16 tháng 08 năm 2013.
- FAO (2012). Fishery and Aquacultural Statistics, Rome: Italy.
- Kinh tế Việt Nam và Thế giới (2015). Nghệ An: Lợi ích từ việc xã hội hóa dịch vụ hậu cần nghề cá. Truy cập ngày 28 tháng 04 năm 2015 tại: http://www.mard.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=23855&Page=3.
- Lưu Hương (2014). Thành lập hợp tác xã dịch vụ hậu cần nghề cá đầu tiên tại Quảng Ngãi. Truy cập ngày 20 tháng 04 năm 2015 tại: chinhphu.vn.
- Huỳnh Lê, 2015, Bà Rịa – Vũng Tàu nâng cao chất lượng dịch vụ hậu cần nghề cá. Truy cập ngày 02 tháng 04 năm 2015 tại: <http://www.brt.vn/21/106838/BR-VT-nang-cao-chat-luong-dich-vu-hau-can-nghe-ca.htm>.
- Nguyễn Thị Hồng Minh (2011). Mở cửa cho đánh bắt xa bờ. Truy cập 15 tháng 04 năm 2015 tại: <http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20110615/mo-cua-cho-danh-bat-xa-bo/442437.html>,
- Shuo Ma (1999). Logistics and Supply Chain Management, World Maritime University, Sweden.
- Trí Tín (2014). Hàng nghìn tỷ đồng xây 6 trung tâm hậu cần nghề cá. Truy cập ngày 01/04/2014 tại: <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/hang-hoa/hang-nghin-ty-dong-xay-6-trung-tam-hau-can-nghe-ca-2971356.html>.
- Trí Tín (2014). 1.000 tỷ đồng xây trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Quảng Ngãi. Truy cập 08 tháng 06 năm 2014 tại: <http://www.tienphong.vn/Kinh-Te/1000-ty-dong-xay-trung-tam-dich-vu-hau-can-nghe-ca-quang-ngai-714502.tpo>,
- Nguyễn Thâm (2010). Logistics Việt Nam hiện nay. Truy cập 4 tháng 5 năm 2015 tại: http://sotrans.com.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=272:logistics-viet-nam-hien-nay&catid=50:thong-tin-chuyen-nganh&Itemid=70&lang=en,
- Trang Sỹ Trung, Nguyễn Văn Minh và Huỳnh Long Quân (2011). Phát triển ngành chế biến thủy sản vùng duyên hải miền Trung, Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng. Truy cập 15 tháng 04 năm 2015 tại: dised.danang.gov.vn/LinkClick.aspx?fileticke.
- Đoàn Thị Hồng Vân (2003). Quản trị Logistics, Nhà xuất bản Thống kê.